

Bản án số: **01/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 09 - 01 - 2020

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Việt.

2. Ông Lương Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **M.** Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **N.** Địa chỉ: Đài Loan. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019, bản tự khai đề ngày 18/12/2019 và đơn yêu cầu (v/v không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt) đề ngày 18/12/2019, nguyên đơn bà M trình bày: Vào ngày 12/02/2016 qua mai mối bà quen biết với ông N. Đến giữa năm 2016, hai người đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 ngày 07/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp. Việc kết hôn là hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên không ai ép buộc, cưỡng bức.

Sau khi kết hôn, bà ở lại Việt Nam chờ phỏng vấn còn ông N về Đài Loan sống, trong thời gian chờ đợi phỏng vấn bà và ông N do khoảng cách địa lý quá xa không còn cùng quan điểm sống nữa, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng tính cách, quan điểm sống không giống nhau. Hai người sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và hai người không còn liên lạc gì trong khoảng thời gian rất lâu, đến nay vẫn không có liên lạc với nhau. Từ đó, tình cảm giữa hai người không còn nên bà

nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà quyết định ly hôn.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay bà phải đi làm xa nhà, công việc bận rộn nên bà không thể sắp xếp thời gian tham gia tố tụng được, nên bà đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

** Theo văn bản trình bày ý kiến không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt đề ngày 01/9/2019, bị đơn ông N trình bày:* Vào ngày 12/02/2016 qua mai mối ông quen biết với bà M. Đến giữa năm 2016, hai người đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 ngày 07/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp.

Sau khi kết hôn, ông về Đài Loan còn bà M thì ở lại Việt Nam sinh sống, do khoảng cách địa lý quá xa nên dần dần hai người không còn cùng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân giữa hai người không còn hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng tính cách. Hai người sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và hai người không còn liên lạc gì trong khoảng thời gian rất lâu.

Do ông thấy mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc với bà M không đạt được, tình cảm giữa hai người đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý nên ông thống nhất đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay công việc của ông rất bận rộn và do vị trí địa lý cách xa, nên ông yêu cầu Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông cam kết không khiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn M yêu cầu được ly hôn với bị đơn N; không có con chung; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết; Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy

định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn M và bị đơn N đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn M và bị đơn N.

[3] Ngày 19/12/2019 nguyên đơn M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[II] Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông N là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/6/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông N là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, ông N không ở lại Việt Nam chung sống với bà M mà quay trở về Đài Loan sinh sống, do sống xa nhau nên giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có cùng quan điểm sống, bất đồng về tính cách, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc và hai người không còn liên lạc gì trong khoảng thời gian rất lâu. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng bà M và ông N không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Theo bà M yêu cầu ly hôn với ông N thì ông N cũng đồng ý. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà M xin được ly hôn với ông N là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho bà M được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Bà M và ông N đều trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Bà M và ông N đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng

khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông N.
- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.
- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0002813 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

Phạm Hùng Nuôi